**11. Možnosti podpory žáků s OMJ při vzdělávání / Khả năng hỗ trợ các học sinh OMJ[[1]](#footnote-1) trong giáo dục**

Děti, které přichází z odlišného kulturního a jazykového prostředí a bez (dostatečné) znalosti vyučovacího jazyka, potřebují ve škole, ale i v čase mimo školu, zvláštní podporu. Cílem této podpory je, aby se dítě co nejdříve cítilo ve škole dobře a bezpečně a našlo si nové kamarády. Zároveň je potřeba, aby se co nejdříve začalo učit česky a mělo možnost se postupně zapojovat do výuky.

Trẻ em đến từ những nơi có nền văn hóa và ngôn ngữ khác và không có (chưa đủ) kiến thức về ngôn ngữ giảng dạy, đều cần hỗ trợ đặc biệt tại trường học và cả thời gian ngoài trường. Mục đích của sự hỗ trợ này là để trẻ cảm thấy hài lòng và an toàn tại trường trong thời gian sớm nhất và tìm được các bạn mới. Đồng thời để chúng bắt đầu học tiếng Séc sớm và dần dần có cơ hôi tham gia vào giờ học.

**A) Co může udělat škola: / Nhà trường có thể làm những gì:**

Z důvodu co nejrychlejšího zapojení do výuky nabízíme ve škole tyto možnosti podpory:

Để có thể tham gia vào khóa học một cách sớm nhất, chúng tôi có những phương thức hỗ trợ này tại trường:

1. V hodinách budeme Vaše dítě zapojovat tak, aby mohlo rozumět výuce. Budeme plánovat takové aktivity, které zvládne.

Trong những giờ học chúng tôi sẽ cố gắng giúp con bạn cùng tham gia và để chúng có thể hiểu được bài học. Chúng tôi sẽ lên kế hoạch những hoạt động để trẻ có thể tham gia.

1. Budeme poskytovat podporu v podobě obrázkového slovníku / pracovních listů / speciálních pomůcek a učebnic / vzdělávacích programů na PC / jiné: ………………………………………………………………

Chúng tôi sẽ cung cấp hỗ trợ qua các từ điển bằng hình ảnh / phiếu bài tập / những công cụ đặc biệt và sách giáo khoa / những chương trình giáo dục qua máy vi tính / và cách khác: ………………………………………………………………

1. Budeme Vaše dítě vzdělávat podle individuálního vzdělávacího plánu / plánu pedagogické podpory (stanovíme v něm upravené vzdělávací cíle odpovídající potřebám vašeho dítěte). Chúng tôi sẽ đào tạo con quý vị theo kế hoạch giáo dục cá nhân / kế hoạch hỗ trợ sư phạm (chúng tôi sẽ đưa ra các sửa đổi mục tiêu giảng dạy làm sao để phù hợp với yêu cầu của con quý vị).
2. Budeme hodnotit na základě pokroku (formou slovního hodnocení / body / procenty / známkou).

Chúng tôi sẽ đánh giá trên cơ sở tiến bộ (bằng cách đánh giá qua lời / điểm / phần trăm / điểm số).

1. Žák bude podporován asistentem pedagoga.

Học sinh sẽ được hỗ trợ bởi trợ lý giảng viên.

1. Výuka češtiny jako druhého jazyka (dále jen ČDJ) bude zajištěna následující formou:

Dạy tiếng Séc như ngôn ngữ thứ hai (tiếp theo chỉ ČDJ) sẽ được cung cấp theo hình thức sau:

* + doučování/học thêm

den/ngày 1…………… od/từ 2…………. do/đến 3…………. .

* + volitelný předmět/môn tự chọn

den/ ngày 1…………… od/từ 2…………. do/đến 3…………. .

den/ ngày 1…………… od/ từ 2…………. do/ đến 3…………. .

* + v běžné výuce, místo některých předmětů/trong giờ học bình thường thay vào một số môn học khác

den/ ngày 1…………… od/ từ 2…………. do/ đến 3…………. .

den/ ngày 1…………… od/ từ 2…………. do/ đến 3…………. .

den/ ngày 1…………… od/ từ 2…………. do/ đến 3…………. .

1. Nabízíme tyto volnočasové aktivity / kroužky:

Chúng tôi cung cấp những hoạt động trong thời gian rảnh / các môn ngoại khóa:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**B) Co mohou dělat rodiče: / Phụ huynh có thể làm những gì:**

1. Zajistíme/máme zajištěné doučování/výuku češtiny mimo školu.

den 1…………… od 2…………. do 3…………. .

Chúng tôi tìm/có người dạy tiếng Séc sau khi đi học về.

ngày 1…………… từ 2…………. đến 3…………. .

1. Přihlásíme naše dítě na volnočasové aktivity (dítě se snáz zapojí do kolektivu, může se dříve rozmluvit a najít si kamarády, nebude se nudit a cítit se samo).

Bude chodit na 1………………………………. den 2…………… od 3…………. do 4…………. .

Chúng tôi đăng ký cho con mình vào những môn ngoại khóa (trẻ có thể dễ dàng hòa nhập vào nhóm hơn, có thể nói nhanh hơn và tìm được bạn bè mới, không cảm thấy buồn chán và cô đơn).

Sẽ đi học môn 1………………………………. ngày 2…………… từ 3…………. đến 4…………. .

1. Bude chodit do školní družiny (dítě se snáz zapojí do kolektivu, může se dříve rozmluvit a najít si kamarády, nebude se nudit a cítit se samo).

Sẽ tham gia družina[[2]](#footnote-2) (trẻ có thể dễ dàng hòa nhập vào nhóm hơn, có thể nói nhanh hơn và tìm được bạn bè mới, không cảm thấy buồn chán và cô đơn).

1. Nakoupíme učebnice češtiny / slovník / obrázkový slovník.

Chúng tôi sẽ mua sách giáo khoa tiếng Séc / từ điển / từ điển bằng hình ảnh.

1. Dohlédneme, aby se doma učilo např. z e-learningu [www.cestina2.cz](http://www.cestina2.cz)/ speciálních materiálů ze školy/dělalo domácí úkoly.

Chúng tôi sẽ giám sát, để trẻ ở nhà tự học ví dụ từ e-learning [www.cestina2.cz](http://www.cestina2.cz)/ các tài liệu đặc biệt có từ trường/làm bài tập về nhà.

1. Budeme rozvíjet mateřský jazyk / mateřské jazyky dítěte (je důležité, aby dítě umělo číst a psát i ve svém mateřském jazyce – snadněji se pak učí vyučovací jazyk i další jazyky, zachování mateřského jazyka je důležité i pro dítě samotné).

Chúng tôi sẽ phát triển ngôn ngữ mẹ đẻ / tiếng mẹ đẻ của trẻ (rất quan trọng để trẻ biết đọc, biết viết trong tiếng mẹ đẻ của mình – chúng sẽ học ngôn ngữ giảng dạy và cả ngôn ngữ khác dễ dàng hơn, giữ tiếng mẹ đẻ rất quan trong kể cả riếng đối với trẻ).

1. Học sinh có tiếng mẹ đẻ khác [↑](#footnote-ref-1)
2. Lớp học sau thời gian đi học chính quy [↑](#footnote-ref-2)